

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 05 tháng 6 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 119/2024/TLST - DS ngày 23 tháng 4 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành và ngày tổng đạt hợp lệ biên bản hoà giải thành cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ngân hàng N (A). Trụ sở: Số B L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn V – Chức vụ: Tổng Giám đốc; Người đại diện theo uỷ quyền: Bà Đinh Thu H - Chức vụ: Giám đốc A – Chi nhánh M. Người đại diện theo uỷ quyền tham gia tố tụng: ông Lưu Văn C – Giám đốc Phòng G – A Chi nhánh M.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1959

Nơi cư trú: thôn N, xã C, huyện M, thành phố Hà Nội.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Bà Bùi Thị K, sinh năm 1959 (vợ ông H2)

3.2. Chị Lê Thị T, sinh năm 1980 (con dâu ông H2)

3.3. Cháu Nguyễn Hoàng S, sinh ngày 31/5/2015 (cháu ông H2)

3.4. Cháu Nguyễn Hoàng Đ, sinh ngày 11/11/2017 (cháu ông H2)

Đều cư trú tại: thôn N, xã C, huyện M, thành phố Hà Nội.

4. Người đại diện theo pháp luật của cháu **Nguyễn Hoàng S**, cháu **Nguyễn Hoàng Đ** là: Chị **Lê Thị T**, sinh năm 1980. Nơi cư trú: **thôn N, xã C, huyện M, thành phố Hà Nội**.

5. Người đại diện theo ủy quyền của ông **Nguyễn Văn H1**, chị **Lê Thị T** là: Bà **Bùi Thị K**, sinh năm 1959. Nơi cư trú: **thôn N, xã C, huyện M, thành phố Hà Nội**.

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

1/ Về nội dung vụ việc: Ngày 17/07/2015, **Ngân hàng N** (gọi tắt là **A**) (bên cho vay) có ký kết hợp đồng tín dụng số 85 với ông **Nguyễn Văn H1** (bên vay) với nội dung: hạn mức tín dụng là: 200,000,000 đồng (Bằng chữ: Hai trăm triệu đồng), thời hạn cho vay: đến ngày 17/07/2020, lãi suất thời điểm cho vay 11%/năm, lãi suất thời điểm khởi kiện: 9%/năm; lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất trong hạn. **A Chi nhánh M** đã giải ngân cho ông **Nguyễn Văn H1** theo quy định vào ngày 17/07/2015.

Tính đến ngày 05/6/2024, ông **Nguyễn Văn H1** còn nợ **A Chi nhánh M** số tiền là: 307,205,136 đồng. Trong đó gốc: 130,000,000 đồng; Lãi trong hạn: 142,506,780 đồng ; lãi quá hạn: 34,698,356 đồng.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông **Nguyễn Văn H1**, bà **Bùi Thị K** và **Ngân hàng N** đã ký kết hợp đồng thế chấp số 85 đã được công chứng tại **Phòng C1** lập ngày 13/07/2015; Số công chứng 1528, quyền số 02/2015/TP-CC-SCC/GDDS và được đăng ký giao dịch bảo đảm tại **Văn phòng đăng ký đất đai thành phố H - Chi nhánh huyện M** ngày 13/07/2015 đối với khối tài sản là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 227-3, tờ bản đồ số 6, diện tích 137,6 m² tại **thôn N, xã C, huyện M, thành phố Hà Nội** theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 316700, số vào sổ cấp GCN: CH02663 do **Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội** cấp ngày 16/10/2014 mang tên ông **Nguyễn Văn H1**.

2/ Các bên đương sự thống nhất thỏa thuận về việc giải quyết toàn bộ vụ án với phương án trả nợ là ông **Nguyễn Văn H1** phải thanh toán các khoản nợ như đã trên cho **Ngân hàng N** với phương án, lộ trình trả nợ như sau:

- Từ tháng 6/2024 đến hết tháng 2/2025 mỗi tháng ông **Nguyễn Văn H1** phải trả cho **Ngân hàng N** 5.000.000 đồng.

- Trong tháng 3/2025, ông **Nguyễn Văn H1** phải tất toán toàn bộ khoản nợ gốc, nợ lãi trong hạn, nợ lãi quá hạn còn lại cho **Ngân hàng N**.

- Số tiền ông **Nguyễn Văn H1** thanh toán cho **Ngân hàng N** được trừ vào nợ gốc trước, khi trả hết nợ gốc mới trừ vào nợ lãi.

- Kể từ ngày 06/6/2024, ông **Nguyễn Văn H1** vẫn tiếp tục phải trả lãi suất theo mức lãi suất quy định tại Hợp đồng tín dụng số 85 ngày 17/7/2015 đã ký cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ cho **Ngân hàng N**.

Trong trường hợp ông Nguyễn Văn H1 vi phạm bất kỳ nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận như trên thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý khối tài sản đã thế chấp là: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 227-3, tờ bản đồ số 6, diện tích 137,6 m² tại thôn N, xã C, huyện M, thành phố Hà Nội theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BQ 316700, số vào sổ cấp GCN: CH02663 do Ủy ban nhân dân huyện M, thành phố Hà Nội cấp ngày 16/10/2014 mang tên ông Nguyễn Văn H1 theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đã ký kết tại Văn phòng C2 thành phố Hà Nội có số công chứng 1528, quyền số 02/2015/TP-CC-SCC/GDDS ngày 13/7/2015.

Trong trường hợp số tiền thu được từ xử lý tài sản không đủ thanh toán hết khoản nợ và lãi, phí phát sinh thì ông Nguyễn Văn H1 vẫn phải có nghĩa vụ trả hết các khoản nợ cho Ngân hàng.

3/ Về án phí dân sự sơ thẩm:

Các bên đương sự thỏa thuận ông Nguyễn Văn H1 phải chịu toàn bộ nhưng xét ông H1 là người khuyết tật được Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, thành phố Hà Nội cấp Giấy xác nhận khuyết tật và có đơn xin miễn tiền án phí. Vì vậy, căn cứ vào Điểm đ Khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm cho ông Nguyễn Văn H1.

Trả lại Ngân hàng N (A) 7,600,000 (bảy triệu sáu trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 8656 ngày 22/4/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Mê Linh, thành phố Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

IV. Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Mê Linh;
- Chi cục THADS huyện Mê Linh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Thịnh Quang T1